TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **06**/2024/DSST
Ngày: 05-3-2024
V/v: Chia di sản thừa kế và tranh chấp quyền sở hữu tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Trần Thị Chín;
2/ Bà Lê Thị Thận;
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong các ngày 01 đến ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2022/TLST – DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc: "Chia di sản thừa kế và tranh chấp quyền sở hữu tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST – DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn:
- Bà Vũ Thị Kim H, sinh năm: 1960
Nơi cư trú: thôn 1, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước
- Bà Vũ Thị H, sinh năm: 1965
Nơi cư trú: thôn 3, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước
- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị H: Ông Nguyễn Thành Th, sinh năm: 1977
Nơi cư trú: khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước
2/ Bị đơn: Ông Vũ Trọng Tr, sinh năm: 1978
Nơi cư trú: thôn 6, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước
3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Ông Vũ Trọng Ch, sinh năm: 1963
Cư trú tại: thôn 3, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước
- Bà Vũ Thị Thu H, sinh năm: 1970
Cư trú tại: ấp 6, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Ông Trần Nam L, sinh năm: 1979

Cư trú tại: thôn B, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Trọng Ch, bà Vũ Thị Thu H có mặt tại phiên tòa; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nam L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31-5-2022 của nguyên đơn bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Th trình bày: Cha mẹ của bà Vũ Thị Kim H và bà Vũ Thị H là ông Vũ Văn Ph, sinh năm 1930 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1935. ông Vũ Văn Ph và bà Nguyễn Thị Hà có tất cả 06 (sáu) người con gồm Vũ Thị Kim H, Vũ Trọng Ch, Vũ Thị H, Vũ Thị Thu H, Vũ B và Vũ Trọng Tr. Ông Vũ Văn Ph chết từ năm 1979. Ông Vũ B chết năm 2000.

Sau khi ông Vũ Văn Ph chết thì bà Nguyễn Thị H vào Bình Phước lập nghiệp và tạo dựng được khối tài sản là diện tích đất 17.990 m^2 thuộc thửa đất số 242, tờ bản đồ số 9. Diện tích đất tọa lạc tại thôn 4, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước và đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ thấp 00129 ngày 12 tháng 8 năm 2009 đứng tên bà Nguyễn Thị H. Đến ngày 15 tháng 04 năm 2021 thì bà Nguyễn Thị H chết. Khi chết bà Nguyễn Thị H không lập di chúc. Hiện nay tài sản của bà Nguyễn Thị H để lại do ông Vũ Trọng Tr quản lý. Bà Vũ Thị H và Vũ Thị Kim H nhiều lần đề nghị ông Vũ Trọng Tr đi làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế và chia đều cho các đồng thừa kế còn lại. Tuy nhiên, ông Vũ Trọng Tr không đồng ý. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế, bà Vũ Thị H và bà Vũ Thị Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là diện tích đất 17.990 m^2 cùng tài sản có trên đất thuộc thửa đất số 242, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại thôn 4, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước và đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00129 ngày 12 tháng 8 năm 2009 đứng tên bà Nguyễn Thị H làm năm kỷ phần cho các đồng thừa kế gồm bà Vũ Thị Kim H, ông Vũ Trọng Ch, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Thu H và ông Vũ Trọng Tr. Bà Vũ Thị H và bà Vũ Thị Kim H có nguyện vọng mỗi người nhận một kỷ phần và được nhận bằng hiện vật. Ngoài ra không yêu cầu giải quyết gì thêm.

Tại phiên tòa, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Kim H thừa nhận trong diện tích đất 17.990m^2 hiện đang do ông Trần Nam L quản lý, sử dụng diện tích đất 1253,5m^2 nên diện tích đất còn lại là 16.736,5m^2. Bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Kim H không tranh chấp hay có yêu cầu về diện tích đất đang do ông Trần Nam L quản lý, sử dụng. Nay bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Kim H thay đổi một phần yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đất còn lại là 16.736,5m^2 (gồm các điểm từ điểm 1 đến điểm 14) được ghi nhận theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 30-12-2022). Đối với diện tích 1253,5m^2 bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Kim H không yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Vũ Trọng Tr về việc công nhận quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 4400,7m^2 và chia 01 kỷ phần do tính công sức đóng góp, tôn tạo tài sản. Bà Vũ Thị H và bà Vũ Thị Kim H không đồng ý yêu cầu của ông Vũ Trọng Tr.

T*ại đơn phản tố ngày 29/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Vũ Trọng Tr trình bày:*

Ông Vũ Văn Ph và bà Nguyễn Thị Hà có sáu người con gồm Vũ Thị Kim H, Vũ Thị H, Vũ Thị Thu H, Vũ Trọng Tr, Vũ Trọng Ch và Vũ B. Trong đó Vũ B chết năm 2000, ông Vũ Văn Ph chết năm 1978. Ngoài những người nói trên bà Nguyễn Thị H không còn người thừa kế nào khác. Đến ngày 15 tháng 04 năm 2021 thì bà Nguyễn Thị H chết. Khi chết bà Nguyễn Thị H không lập di chúc. Trước khi chết bà Nguyễn Thị H có tạo dựng được khối tài sản là diện tích đất 17.990 m^2 thuộc thửa đất số 242, tờ bản đồ số 9. Diện tích đất tọa lạc tại thôn 4, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước và đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào số H00129 ngày 12 tháng 8 năm 2009 đứng tên bà Nguyễn Thị H.

Nguồn gốc của tài sản này ban đầu là do ông Vũ B và ông tự khai phá, khai phá năm nào không nhớ. Ngoài ra, còn có bà Vũ Thị Thu H cùng khai phá nhưng khai phá được 01 ít thì đi học thợ may nên không cùng làm chung nữa. Diện tích đất khai phá là 13.662m^2 tọa lạc tại thôn 4, xã Ngh (nay là thôn 4, xã Ngh), huyện B, tỉnh Bình Phước. Sau khi khai phá thì trong năm ông và ông Vũ B tiến hành trồng điều (trồng năm nào không nhớ). Thời gian khai phá đất ông và ông Vũ B chưa lập gia đình, ở chung với bà Nguyễn Thị H nên bà Nguyễn Thị H đi chợ, nấu ăn cho gia đình. Việc khai phá, trồng điều bà Nguyễn Thị H không có tham gia làm, không có bỏ công và không có bỏ của. Ngoài việc khai phá đất chung với ông Vũ B, bà Vũ Thị Thu H thì năm 1998 ông có khai phá riêng cho ông diện tích đất 4.328m^2 (có vị trí đất giáp với thửa đất số 246, khai phá theo hướng giáp đường chạy dọc giáp thửa đất số 234) và tiến hành trồng cây điều trong năm 1998. Phần diện tích đất này do ông quản lý, sử dụng riêng.

Đến năm 1997 thì ông Vũ B làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ đối với diện tích đất này và đã được cấp giấy CNQSDĐ số 37 do UBND huyện B ký ngày 5/5/1997 đứng tên Vũ B với diện tích là 13.662m^2. Còn phần diện tích đất 4.328m^2 (kết quả đo đạc hiện nay là 4400,7m^2) chưa được cấp giấy CNQSDĐ. Đến năm 2000 thì ông Vũ B chết, (ông Vũ B không có vợ con) khi ông Vũ B chết không để lại di chúc nên diện tích đất 13.662m^2 nói trên thừa kế lại cho bà Nguyễn Thị H (là mẹ). Khi làm thủ tục đổi giấy CNQSDĐ thì ông nhập chung tài sản của ông là phần diện tích đất 4.328m^2 (có vị trí đất giáp với thửa đất số 246, khai phá theo hướng giáp đường chạy dọc giáp thửa đất số 234) vào diện tích đất của ông Vũ B nên diện tích đất bà Nguyễn Thị H được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00129 ngày 12 tháng 8 năm 2009 có diện tích đất 17.990m^2. Việc thỏa thuận nhập chung hai diện tích đất nói trên không làm giấy tờ, chỉ có ông Vũ Trọng Ch là người làm chứng,

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết xem xét công nhận phần diện tích đất do ông khai phá 4.328m^2 (kết quả đo đạc hiện nay là 4400,7m^2) và tài sản trên đất có tứ cận: một mặt giáp đường, một mặt giáp đất của bà Nguyễn Thị H, một mặt giáp đất ông L, một mặt giáp đất bà H thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông. Đối với phần di sản do bà Nguyễn Thị H để lại ông yêu cầu Tòa án xem xét chia cho ông 1 kỷ phần thừa kế theo pháp luật và 01 kỷ phần do ông có công sức đóng góp, tôn tạo giữ gìn di sản nói trên.

Tại phiên tòa, ông khai nhận diện tích đất 4.328m^2 (kết quả đo đạc hiện nay là 4400,7m^2) do ông khai phá và trồng cây điều sau khi ông Vũ B chết (trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến năm 2003). Phần diện tích đất 4.328m^2 và phần diện tích đất 13.662m^2 (đã được cấp giấy CNQSDĐ) không có phân chia ranh giới cụ thể. Khi ông Vũ B chết, ông là người dẫn (chở) bà Nguyễn Thị H đi làm thủ tục cấp đổi sổ. Việc cấp đổi giấy CNQSDĐ ông không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Tại phiên tòa, ông thừa nhận trong tổng diện tích đất 17.990m^2 hiện ông Trần Nam L đang quản lý, sử dụng diện tích đất 1253,5m^2 nên diện tích đất còn lại là 16.736,5m^2. Ông không tranh chấp hay có yêu cầu về diện tích đất đang do ông Trần Nam L quản lý, sử dụng và đồng ý giải quyết đối với phần diện tích đất còn lại là 16.736,5m^2 (gồm các điểm từ điểm 1 đến điểm 14) được ghi nhận theo bản đồ trích đo – địa chính ngày 30-12-2022).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Trọng Ch trình bày: Ông là con ruột của ông Vũ Văn Ph và bà Nguyễn Thị H. Ông hoàn toàn đồng ý với lời khai của ông Vũ Trọng Tr về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và về nguồn gốc di sản của bà Nguyễn Thị H để lại. Trong tổng diện tích đất 17.990m^2 thuộc thửa đất số 242, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại thôn 4, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước và đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào số H00129 ngày 12 tháng 8 năm 2009 đứng tên bà Nguyễn Thị H có phần diện tích đất 4.328m^2 (kết quả đo đạc hiện nay là 4400,7m^2) là do ông Vũ Trọng Tr khai phá thêm từ năm 1998, vị trí khai phá là phía sau đuôi đất. Sau khi khai phá thì ông Vũ Trọng Tr tiến hành trồng cây điều. Phần diện tích đất ông Vũ Trọng Tr khai phá thêm không làm ranh giới để ngăn cách hai thửa mà vẫn để chung thửa đất của ông Vũ B. Sau khi ông Vũ B chết thì bà Nguyễn Thị H làm thủ tục cấp đổi giấy CNQSDĐ (theo diện thừa kế) thì do phần khai phá thêm của ông Vũ Trọng Tr có diện tích ít nên ông Vũ Trọng Tr và bà Nguyễn Thị H thống nhất để bà Nguyễn Thị H đo đạc (nhập chung hai thửa đất làm một) và cấp giấy CNQSDĐ với diện tích đất 17.990m^2.

Tại phiên tòa, ông thừa nhận trong tổng diện tích đất 17.990m2 hiện ông Trần Nam L đang quản lý, sử dụng diện tích đất 1253,5m2 nên diện tích đất còn lại là 16.736,5m2. Ông không tranh chấp hay có yêu cầu về diện tích đất đang do ông Trần Nam L quản lý, sử dụng. Phần diện tích đất còn lại hiện nay đang do ông Vũ Trọng Tr quản lý.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H và bà Vũ Thị Kim H, ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với kỷ phần của ông, ông và ông Vũ Trọng Tr tự thương lượng, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Đối với yêu cầu phản tố của ông Vũ Trọng Tr, ông đồng ý công nhận diện tích đất do ông Vũ Trọng Tr khai phá thêm là 4.328m^2 (kết quả đo đạc hiện nay là 4400,7m^2) thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Vũ Trọng Tr.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Thu H trình bày: Bà là con ruột của ông Vũ Văn Ph và bà Nguyễn Thị Hạ. Bà nhất trí với lời khai của ông Vũ Trọng Tr và ông Vũ Trọng Ch về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế và về nguồn gốc di sản của bà Nguyễn Thị H để lại. Tại phiên tòa, bà thừa nhận trong tổng diện tích đất 17.990m^2 hiện ông Trần Nam L đang quản lý, sử dụng diện tích đất 1253,5m2 nên diện tích đất còn lại là 16.736,5m^2. Bà không tranh chấp hay có yêu cầu về diện tích đất đang do ông Trần Nam L quản lý, sử dụng. Phần diện tích đất còn lại hiện nay đang do ông Vũ Trọng Tr quản lý.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H và bà Vũ Thị Kim H, bà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với kỷ phần của bà, bà và ông Vũ Trọng Tr tự thương lượng, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Đối với yêu cầu phản tố của ông Vũ Trọng Tr, bà đồng ý công nhận diện tích đất do ông Vũ Trọng Tr khai phá

thêm là 4.328m^2 (kết quả đo đạc hiện nay là 4400,7m^2) thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Vũ Trọng Tr.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nam L vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nam L trình bày: ông không có quan hệ họ hàng với ông Vũ Trọng Tr, không có mâu thuẫn gì. Ông có diện tích đất giáp ranh với đất của bà Nguyễn Thị H. Nguồn gốc đất của ông là do ba ông tặng cho ông từ năm 2012. Trong năm 2012 ông đã làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ theo quy định và đã được cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 544, tờ bản đồ số 9 với diện tích là 1508m^2 do UBND huyện B ký ngày 24/7/2012 đứng tên Trần Nam L. Từ khi ông quản lý, sử dụng đất cho đến nay không có tranh chấp gì với ai. Theo kết quả thẩm định, đo đạc thể hiện có 01 phần diện tích đất trong giấy CNQSDĐ của bà Nguyễn Thị H đang nằm trong diện tích đất ông quản lý sử dụng. Tuy nhiên, ông không có ý kiến gì về việc này. Trường hợp có tranh chấp thì ông sẽ khởi kiện vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đề nghị Tòa án khắc phục thời hạn xét xử theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: căn cứ vào Điều 649, Điều 651, Điều 650 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế;

Về yêu cầu phản tố của bị đơn:

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vũ Trọng Tr về yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vũ Trọng Tr về yêu cầu công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 4400,7m^2 và yêu cầu tính công sức đóng góp

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Trần Nam L (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Trần Nam L.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: bà Nguyễn Thị S khai nhận sau khi bà Nguyễn Thị H chết thì bà cùng ông Vũ Trọng Tr quản lý di sản do bà Nguyễn Thị H để lại. Tuy nhiên, trong vụ án này bà Nguyễn Thị S không có yêu cầu gì về việc hưởng thù lao cho việc quản lý di sản của bà Nguyễn Thị H và từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này nên không đưa bà Nguyễn Thị S tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét chia di sản của bà Nguyễn Thị H thành 5 kỷ phần cho 5 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Ngoài ra, bị đơn ông Vũ Trọng Tr có đơn phản tố yêu cầu Tòa án xem xét công nhận

diện tích đất 4400,7m^2 tọa lạc tại thôn 4, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước là tài sản của ông. Quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật là "Chia di sản thừa kế" là không chính xác và đầy đủ. Nay căn cứ vào khoản 2 và khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp chia di sản thừa kế và tranh chấp về quyền sở hữu tài sản". Hiện nay bị đơn ông Vũ Trọng Tr cư trú tại thôn 6, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3] Về pháp luật áp dụng: Theo nội dung của giấy chứng tử số 11 của Ủy ban nhân dân xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/4/2021 ghi nhận bà Nguyễn Thị H chết vào ngày 15/4/2021. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Về thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện: bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H, ông Vũ Trọng Ch, ông Vũ Trọng Tr và bà Vũ Thị Thu H đều xác nhận bà Nguyễn Thị H chết vào ngày 15/4/2021. Lời khai của các đương sự phù hợp với giấy chứng tử bà Vũ Thị Kim H giao nộp cho Tòa án (bút lục số 04). Như vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 611 của Bộ luật Dân sự xác định thời điểm mở thừa kế đối với di sản của bà Nguyễn Thị H là ngày 15/4/2021.

Ngày 04/7/2022, bà Vũ Thị Kim H và bà Vũ Thị H nộp đơn yêu cầu chia di sản thừa kế. Căn cứ vào Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu chia di sản thừa kế vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Về diện và hàng thừa kế: bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H, ông Vũ Trọng Ch, ông Vũ Trọng Tr và bà Vũ Thị Thu H đều thừa nhận bà Nguyễn Thị H chết không để lại di chúc. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thừa kế theo pháp luật được áp dụng để giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Vũ Trọng Ch, bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Thu H, ông Vũ Trọng Tr đều thừa nhận bà Nguyễn Thị H có 06 người con là: Vũ Trọng Ch, Vũ Thị Kim H, Vũ Thị H, Vũ Thị Thu H, Vũ Trọng Tr và Vũ B. Trong đó, ông Vũ B chết năm 2000. Thời điểm mở thừa kế đối với di sản của bà Nguyễn Thị H là ngày 15/4/2021. Căn cứ vào Điều 613 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định ông Vũ B không được hưởng thừa kế đối với di sản do bà Nguyễn Thị H để lại.

Hiện nay, ông Vũ Trọng Ch, bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Thu H, ông Vũ Trọng Tr còn sống. Ông Vũ Trọng Ch, bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Thu H, ông Vũ Trọng Tr đều thừa nhận bà Nguyễn Thị H không còn người thừa kế nào khác. Căn cứ vào Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định ông Vũ Trọng Ch, bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Thu H, ông Vũ Trọng Tr thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

[6] Về di sản thừa kế và yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vũ Trọng Tr:

[6.1] Bà Vũ Thị Kim H và bà Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H để lại là 16.736,5m^2 cùng tài sản trên đất thuộc thửa đất số 242, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại thôn 4, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phướ (đã được UBND huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy CNQSDĐ số H00129 ngày 12 tháng 8 năm 2009 với diện tích đất 17.990m^2 đứng tên Nguyễn Thị H). Ông Vũ Trọng Tr yêu cầu Tòa án

giải quyết công nhận diện tích đất 4400,7m^2 (nằm trong diện tích đất 17.990m^2) thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Vũ Trọng Tr.

[6.2] Xét, theo kết quả xem xét, thẩm định tài sản lập ngày 30/12/2022 thể hiện: Trong phần diện tích đất 17.990m^2 thuộc thửa đất số 242, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại thôn 4, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước có một phần diện tích đất 1253,5m^2 được ký hiệu 1,14,15 (theo bản đồ đo đạc lập ngày 30/12/2022 của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401) hiện đang do ông Trần Nam L quản lý, sử dụng nên phần diện tích đất còn lại ông Vũ Trọng Tr đang quản lý là 16.736,5m^2. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông Vũ Trọng Ch, bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Thu H, ông Vũ Trọng Tr không yêu cầu giải quyết đối với phần diện tích đất 1253,5m^2. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với diện tích đất còn lại là 16.736,5m^2. ông Vũ Trọng Ch, bà Vũ Thị Thu H, ông Vũ Trọng Tr đồng ý với sự thay đổi của bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Kim H. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kim H và bà Vũ Thị H không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi của bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H.

[6.3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Vũ Trọng Tr khai nhận trong tổng diện tích đất 16.736,5m^2 thì phần diện tích 12.335,8m^2 là di sản của bà Nguyễn Thị H để lại và đồng ý chia di sản này. Đối với phần diện tích đất 4400,7m^2 là do ông Vũ Trọng Tr khai phá trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến năm 2003 nên ông Vũ Trọng Tr có đơn phản tố yêu cầu công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất 4400,7m^2. Bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H không đồng ý lời khai và yêu cầu phản tố của ông Vũ Trọng Tr. Xét:

[6.3.1] Đối với diện tích đất 12.335,8m^2 được ký hiệu từ điểm 16,01,02,03,04,05,08 đến điểm 15 (theo bản đồ đo đạc lập ngày 30/12/2022 số 401-01001B của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401): ông Vũ Trọng Ch, bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Thu H, ông Vũ Trọng Tr đều thừa nhận tài sản này là di sản của bà Nguyễn Thị H chết. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Tại Điều 634 của Bộ luật Dân sự quy định: *"Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác".* Như vậy, có đủ cơ sở xác định diện tích đất là 12.335,8m^2 cùng tài sản trên đất là thuộc thửa đất số 242, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại thôn 4, xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước là di sản của bà Nguyễn Thị H để lại trước khi chết.

[6.3.2] Đối với diện tích đất 4.328m^2 (theo kết quả thẩm định là 4400,7m^2) được ký hiệu bởi các điểm 6,7,8,5 (theo bản đồ đo đạc lập ngày 30/12/2022 số 401-01001B của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401): Ông Vũ Trọng Tr khai nhận diện tích đất 4.328m^2 (theo kết quả thẩm định là 4400,7m^2) do ông khai phá và trồng cây điều ngay sau khi khai phá. Vào năm 2009 khi làm thủ tục nhận di sản của ông Vũ B để lại là diện tích đất 13.662m2 (đã được cấp giấy CNQSDĐ số 37 do UBND huyện B ký ngày 5/5/1997 đứng tên Vũ B) thì ông gộp (nhập) chung diện tích đất 4.328m^2 (theo kết quả thẩm định là 4400,7m^2) vào với diện tích đất 13.662m^2 thành diện

tích đất 17.990m^2 và bà Nguyễn Thị H được cấp giấy CNQSDĐ số H00129 do UBND huyện B ký ngày 12/8/2009. Nay, ông Vũ Trọng Tr có đơn phản tố yêu cầu công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất này. Bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Kim H không thừa nhận lời khai và yêu cầu phản tố nói trên của ông Vũ Trọng Tr. Bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị Kim H khai nhận diện tích đất 4.328m^2 (theo kết quả thẩm định là 4400,7m^2) đều nằm trong diện tích đất do ông Vũ B để lại sau khi chết và năm 2009 bà Nguyễn Thị H làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ với tổng diện tích đất 17.990m^2. Xét, tại tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất lập ngày 10/6/2009 (trong hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ đứng tên Nguyễn Thị H) (bút lục số 34) có ghi nhận: *"4-Đặc điểm lô đất:... - diện tích: 4.328m2....6-Nguồn gốc đất sử dụng: nhận thừa kế quyền sử dụng đất..."*. Tại Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư lập ngày 13/7/2009 cũng ghi nhận: *"nguồn gốc sử dụng đất: nhận thừa kế quyền sử dụng đất do con để lại"* và ông Vũ Trọng Tr có ký nhận. Tại phiên tòa, ông Vũ Trọng Tr cũng thừa nhận ông là người cùng đi với bà Nguyễn Thị H để thực hiện việc cấp giấy CNQSDĐ và không có ý kiến tranh chấp hay khiếu nại gì đối với việc cấp giấy CNQSDĐ số H 00129 ký ngày 12/8/2009. Như vậy, có đủ cơ sở xác định nguồn gốc của diện tích đất 4.328m^2 là do bà Nguyễn Thị H nhận thừa kế mà có. Mặt khác, ông Vũ Trọng Tr khai nhận diện tích đất 4.328m^2 (theo kết quả thẩm định là 4400,7m^2) là ông khai phá và ông thỏa thuận với bà Nguyễn Thị H nhập diện tích ông khai phá vào chung với diện tích đất do ông Vũ B chết để lại và để bà Nguyễn Thị H làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ. Tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp..."*. Tuy nhiên, ông Vũ Trọng Tr thừa nhận thỏa thuận giữa ông và bà Nguyễn Thị H không có làm giấy tờ, ông không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình ngoài ông Vũ Trọng Ch làm chứng thì ông không có tài liệu chứng cứ chứng minh nào khác chứng minh cho lời khai của mình. Xét, ông Vũ Trọng Ch và có mối quan hệ với ông Vũ Trọng Tr là anh em ruột, không đảm bảo tính khách quan của người làm chứng nên lời khai của ông Vũ Trọng Ch không đủ cơ sở chấp nhận. Do đó, không có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vũ Trọng Tr về việc công nhận quyền quản lý, sử dụng của ông đối với diện tích đất 4.328m^2 (theo kết quả thẩm định là 4400,7m^2).

[7] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vũ Trọng Tr về việc chia 02 kỷ phần thừa kế: Ông Vũ Trọng Tr yêu cầu Tòa án chia cho ông 01 kỷ phần tương đương với diện tích đất 2005,9m^2 do ông có công sức đóng góp, tôn tạo, giữ gìn tài sản của bà Nguyễn Thị H từ khi khai phá đến khi bà Nguyễn Thị H chết. Xét, ông Vũ Trọng Tr khai nhận ông và bà Nguyễn Thị H cùng đi làm trên diện tích đất 16.736,5m^2 như trông coi công, phụ thu hoạch hoa lợi.....Bên cạnh đó, tại phiên tòa, ông Vũ Trọng Tr thừa nhận ông sống chung với bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H là người chi trả các chi phí cho việc chăm sóc, cắt tỉa cành, bón phân, thu hoạch hoa lợi ....đồng thời ông Vũ Trọng Tr cũng thừa nhận bà Nguyễn Thị H là người lo các chi phí ăn uống, sinh hoạt trong gia đình. Tại khoản 2 Điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp sống chung thì các thành viên gia đình có nghĩa vụ tham gia công việc gia đình, lao động tạo thu nhập; đóng góp công sức, tiền hoặc tài sản khác để duy trì đời sống chung của gia đình phù hợp với khả năng thực tế của mình"*. Như vậy, việc ông Vũ Trọng Tr thực hiện cùng với bà Nguyễn Thị H là nghĩa vụ của ông Vũ

Trọng Tr khi cùng chung sống, cùng lao động ..... để duy trì đời sống chung của gia đình. Vì vậy, yêu cầu phản tố của ông Vũ Trọng Tr về việc chia 01 kỷ phần tương đương với diện tích đất 2005,9m^2 không có cơ sở chấp nhận. Tại biên bản định giá tài sản lập ngày 25/8/2023, Hội đồng định giá xác định diện tích đất cùng tài sản trên đất 16.736,5m^2 có giá trị là 3.000.000.000đ/ 10.000m^2 = 300.000đ/ 1m^2 x 16.736,5m^2 = 5.020.950.000đ. Như vậy, đối với phần tài sản ông Vũ Trọng Tr không được chấp nhận có giá trị là 2005,9m^2 x 300.000đ/1m^2 = 601.770.000đ.

Từ các điểm đã phân tích ở đoạn [6.3] có đủ cơ sở khẳng định diện tích đất 16.736,5m^2 cùng tài sản trên đất là di sản của bà Nguyễn Thị H để lại. Tại biên bản định giá tài sản lập ngày 25/8/2023, Hội đồng định giá xác định diện tích đất cùng tài sản trên đất 16.736,5m^2 có giá trị là 3.000.000.000đ/ 10.000m^2 = 300.000đ/ 1m^2 x 16.736,5m^2 = 5.020.950.000đ.

[8] Xét nguyện vọng của các bên: bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H yêu cầu chia di sản thành 05 kỷ phần cho 05 người thừa kế của bà Nguyễn Thị H. Bà Vũ Thị H có nguyện vọng nhận bằng hiện vật và nhận phần đất liền kề với thửa đất số 238. Như đã đề cập ở đoạn [5] bà Nguyễn Thị H có 05 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên chia di sản của bà Nguyễn Thị H thành 05 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị là 1.004.190.000đ. Tại khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật..."*. Xét, việc phân chia diện tích đất của bà Nguyễn Thị H để lại thành 05 phần thì mỗi phần đều đảm bảo giá trị sử dụng. Bà Vũ Thị H có nguyện vọng nhận phần đất liền kề với thửa đất số 238 để dễ quản lý, sử dụng. Ông Vũ Trọng Tr có nguyện vọng nhận phần đất liền kề với thửa đất 246. Tại phiên tòa, ông Vũ Trọng Tr thay đổi yêu cầu, có nguyện vọng nhận phần diện tích đất liền kề với thửa đất số 238. Xét, thửa đất số 238 liền kề với thửa đất 242 hiện đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Vũ Thị H. Bà Vũ Thị H có nguyện vọng nhận phần đất liền kề để tiện lợi cho việc quản lý, sử dụng cũng như nhập thửa đất. Xét thấy, nguyện vọng của bà Vũ Thị H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của bà Vũ Thị H, giao cho bà Vũ Thị H quản lý, sử dụng diện tích đất 3620,5m^2 cùng tài sản có trên đất (cây điều) được ký hiệu các điểm 6,7,8,9 theo bản đồ đo đạc số 401-01001A của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 có giá trị là 1.086.090.000đ; giao cho bà Vũ Thị Kim H quản lý, sử dụng diện tích đất 3291,4m2 cùng tài sản có trên đất (cây điều) được ký hiệu các điểm 5,6,9,10 theo bản đồ đo đạc số 401-01001A của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 có giá trị là 987.420.000đ; Giao cho ông Vũ Trọng Tr quản lý, sử dụng diện tích đất 3247,2m2 cùng tài sản có trên đất (cây điều) được ký hiệu các điểm 1,2,12,13,14 theo bản đồ đo đạc số 401-01001A của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 có giá trị là 974.160.000đ;

Xét giá trị di sản mà ông Vũ Trọng Tr, bà Vũ Thị Kim H và bà Vũ Thị H được nhận thì phần di sản mà bà Vũ Thị H được nhận bằng hiện vật (có giá trị là 1.086.090.000đ) có giá trị lớn hơn phần di sản mà bà được hưởng (1.004.190.000đ), trong khi phần di sản mà ông Vũ Trọng Tr và bà Vũ Thị Kim H được nhận bằng hiện vật có giá trị nhỏ hơn phần mình được hưởng. Do đó, cần buộc bà Vũ Thị H phải thanh toán cho ông Vũ Trọng Tr và bà Vũ Thị Kim H phần chênh lệch, cụ thể: bà Vũ Thị H phải thanh toán cho bà Vũ Thị Kim H phần giá trị tài sản chênh lệch là 16.770.000đ, bà Vũ Thị H phải thanh toán cho ông Vũ Trọng Tr phần giá trị tài sản chênh lệch là

30.030.000đ. Đối với số tiền chênh lệch còn lại là 35.100.000đ bà Vũ Thị H có trách nhiệm thanh toán cho người thừa kế khác khi có yêu cầu.

[9] Về công sức đóng góp, tôn tạo, duy trì di sản: ông Vũ Trọng Tr thừa nhận sau khi bà Nguyễn Thị H thì ông quản lý di sản của bà Nguyễn Thị H để lại. Trong quá trình quản lý, sử dụng ông Vũ Trọng Tr không có tôn tạo tài sản nào khác. Mặt khác, ông Vũ Trọng Tr không yêu cầu giải quyết đối với việc đóng góp, tôn tạo, duy trì di sản nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Ông Vũ Trọng Ch và bà Vũ Thị Thu H thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị H. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Vũ Trọng Ch, bà Vũ Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế cho mình mà đồng ý tiếp tục giao kỷ phần của mình cho ông Vũ Trọng Tr bảo quản. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giao phần di sản còn lại của bà Nguyễn Thị H gồm diện tích đất 3311,9m^2 cùng tài sản có trên đất (cây điều) được ký hiệu các điểm 2,3,11,12 theo bản đồ đo đạc số 401-01001A của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 và diện tích đất 3265,7m^2 cùng tài sản có trên đất (cây điều) được ký hiệu các điểm 3,4,5,10,11 theo bản đồ đo đạc số 401-01001A của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 cho ông Vũ Trọng Tr tiếp tục bảo quản tài sản khi có yêu cầu khác của người thừa kế.

[11] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản là 33.550.000đ. Khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Trường hợp yêu cầu Tòa án chia tài sản chung thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia"* và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Trường hợp yêu cầu Tòa án chia tài sản chung thì mỗi người được chia tài sản phải chịu phần chi phí định giá tài sản tương ứng với tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia".* Do bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H và ông Vũ Trọng Tr đều được chia di sản thừa kế tương đương với nhau nên mỗi người phải chịu một phần chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 33.550.000đ: 3 = 11.183.333đ. Tại Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"...Người phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ"* và Điều 166 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *" ... Người phải chịu chi phí định giá theo quyết định của Tòa án phải hoàn trả cho người đã nộp tiền tạm ứng chi phí định giá"*. Do đó, cần buộc ông Vũ Trọng Tr phải hoàn trả cho bà Vũ Thị Kim H và bà Vũ Thị H số tiền là 11.183.333đ.

[12] Về án phí: Khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *"..... Mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế. ..".* Như vậy, bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H và ông Vũ Trọng Tr phải chịu tiền án phí đối với phần tài sản được hưởng là 42.125.700đ. Tuy nhiên, tính đến thời điểm này bà Vũ Thị Kim H là người cao tuổi (60 tuổi) thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên bà Vũ Thị Kim H được miễn nộp tiền án phí.

Tại khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *"Bị đơn có yêu cầu phản tố phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận"* và điểm a khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *"Trường hợp tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch"*. Do yêu cầu phản tố của ông Vũ Trọng Tr về yêu cầu công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 4400,7m^2 không được chấp nhận nên ông Vũ Trọng Tr phải chịu tiền án phí là 300.000đ và yêu cầu phản tố của ông Vũ Trọng Tr về yêu cầu tính công sức đóng góp không được chấp nhận nên ông Vũ Trọng Tr phải chịu tiền án phí là 28.070.800đ.

[13] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 611, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 650 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị H và bà Vũ Thị Kim H về yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H.

Giao cho bà Vũ Thị H quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 3620,5m^2 (thuộc thửa đất số 242, tờ bản đồ số 9 đã được cấp giấy CNQSDĐ số H00129 do UBND huyện B ký ngày 12/8/2009 đứng tên bà Nguyễn Thị H với diện tích đất 17.990m^2) cùng tài sản có trên đất (cây điều) tọa lạc tại thôn 4 (nay là thôn B), xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước được ký hiệu các điểm 6,7,8,9 theo bản đồ đo đạc số 401-01001A của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 có giá trị là 1.086.090.000đ;

Giao cho bà Vũ Thị Kim H quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 3291,4m^2 (thuộc thửa đất số 242, tờ bản đồ số 9 đã được cấp giấy CNQSDĐ số H00129 do UBND huyện B ký ngày 12/8/2009 đứng tên bà Nguyễn Thị H với diện tích đất 17.990m^2) cùng tài sản có trên đất (cây điều) tọa lạc tại thôn 4 (nay là thôn B), xã Ngh, huyện B, tỉnh Bình Phước được ký hiệu các điểm 5,6,9,10 theo bản đồ đo đạc số 401-01001A của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 có giá trị là 987.420.000đ.

Buộc bà Vũ Thị H phải thanh toán cho bà Vũ Thị Kim H phần giá trị tài sản chênh lệch là 16.770.000đ

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vũ Trọng Tr về yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H. Giao cho ông Vũ Trọng Tr quyền quản lý, sử

dụng diện tích đất 3247,2m^2 (thuộc thửa đất số 242, tờ bản đồ số 9 đã được cấp giấy CNQSDĐ số H00129 do UBND huyện B ký ngày 12/8/2009 đứng tên bà Nguyễn Thị H với diện tích đất 17.990m^2) cùng tài sản có trên đất (cây điều) được ký hiệu các điểm 1,2,12,13,14 theo bản đồ đo đạc số 401-01001A của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 có giá trị là 974.160.000đ

Buộc bà Vũ Thị H phải thanh toán cho ông Vũ Trọng Tr phần giá trị tài sản chênh lệch là 30.030.000đ.

3/ Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vũ Trọng Tr về yêu cầu công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 4400,7m^2 và yêu cầu tính công sức đóng góp tương ứng với diện tích đất 2005,9m^2 (có giá trị là 601.770.000đ).

4/ Bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H và ông Vũ Trọng Tr có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, sang tên, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp sau khi trích, đo địa chính mà có sự biến động về vị trí, diện tích, tứ cận thì bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H và ông Vũ Trọng Tr có quyền tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh.

5/ Giao phần di sản còn lại của bà Nguyễn Thị H gồm diện tích đất 3311,9m2 cùng tài sản có trên đất (cây điều) được ký hiệu các điểm 2,3,11,12 theo bản đồ đo đạc số 401-01001A của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 và diện tích đất 3265,7m^2 cùng tài sản có trên đất (cây điều) được ký hiệu các điểm 3,4,5,10,11 theo bản đồ đo đạc số 401-01001A của Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ và trắc địa công trình 401 cho ông Vũ Trọng Tr tiếp tục bảo quản tài sản khi có yêu cầu nào khác của người thừa kế.

6/ Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản và định giá tài sản: Buộc bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản và chi phí định giá tài sản là 11.183.333đ. *(đã nộp xong).*

Buộc ông Vũ Trọng Tr phải hoàn trả cho bà Vũ Thị Kim H, bà Vũ Thị H phải số tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản và định giá tài sản là 11.183.333đ.

7/ Về án phí: Nguyên đơn bà Vũ Thị Kim H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Vũ Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 42.125.700đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 21.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0000677 lập ngày 17/10/2022. Bà Vũ Thị H phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.125.700đ.

Bị đơn ông Vũ Trọng Tr phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản mà ông được hưởng là 42.125.700đ và chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 28.070.800đ + 300.000đ = 28.370.800đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 10.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0001068 lập ngày 05/6/2023. Ông Vũ Trọng Tr phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 60.496.500đ.

8/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/3/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND t. Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh